

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Diễn biến tăng mạnh ở nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí giúp hỗ trợ TTCK Việt Nam

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

BID, DHG

[Cập nhật công ty]

Ngành hàng không, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, tạm thời giảm thiểu tỷ trọng nắm giữ của các vị thế ngắn hạn tại vùng kháng cự trên

03/06/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	881.17	+0.73
VN30	824.29	+0.68
HĐTL VN30F1M	819.00	+1.35
HNXIndex	116.49	+2.51
HNX30	225.52	+1.79
UPCoM	56.33	+0.63
USD/VND	23,264	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.02	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.47	+14
Dầu (WTI, \$)	37.38	+1.55
Vàng (LME, \$)	1,716.70	-0.64



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 881.17 (+0.73%)
KLGD (triệu CP) 320.4 (-25.7%)
GTGD (triệu U\$) 231.9 (-22.1%)

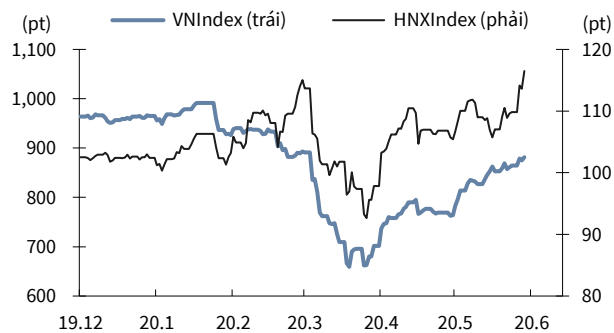
HNXIndex 116.49 (+2.51%)
KLGD (triệu CP) 56.7 (-26.4%)
GTGD (triệu U\$) 26.8 (-29.0%)

UPCoM 56.33 (+0.63%)
KLGD (triệu CP) 34.6 (-28.7%)
GTGD (triệu U\$) 15.1 (-20.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -2.7

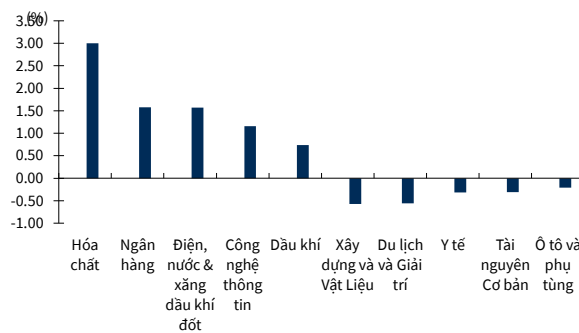
Diễn biến tăng mạnh ở nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí giúp hỗ trợ TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay. Các cổ phiếu ngân hàng như CTG (+2.3%), VCB (+1.5%) đồng loạt tăng mạnh sau thông tin từ NHNN cho biết sẽ không nới lỏng các quy định về cho vay ở các ngân hàng thương mại như 1 giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Cổ phiếu dầu khí như PVS (+2.3%), GAS (+2.1%) tăng trên diện rộng trước kỳ vọng OPEC sẽ gia hạn thời gian thực hiện cam kết cắt giảm sản lượng ở mức hiện tại trong kỳ họp diễn ra tới đây. Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp như ITA (+6.8%), LHG (+1.1%) tăng đồng loạt sau thông tin Mỹ xác định Việt Nam là 1 đối tác ưu tiên trong các dự án tại khu vực, gồm sản xuất các sản phẩm chiến lược trong chuỗi cung ứng của Mỹ. Bộ đôi cổ phiếu hàng không là HVN (-0.4%), VJC (-0.8%) giảm điểm sau thông tin từ lãnh đạo Cục Hàng không Việt Nam cho biết hiện chưa xác định thời điểm chính thức mở lại đường bay quốc tế. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng trên HSX, tập trung ở E1VFN30 (+0.1%), CII (+2.1%), BVH (0%).

VNIndex & HNXIndex



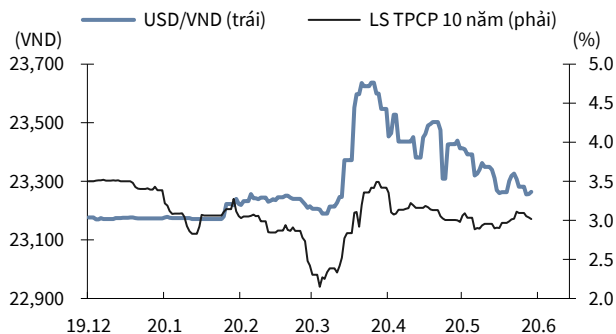
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



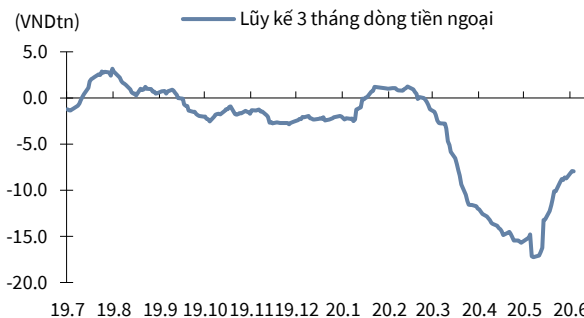
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

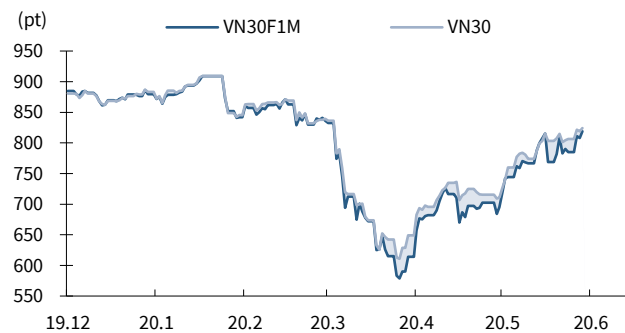
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	824.29 (+0.68%)
VN30F1M	819.0 (+1.35%)
Mở cửa	820.1
Cao nhất	821.8
Thấp nhất	811.0

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tăng ở chỉ số VN30 Index. Với việc F2006 tăng mạnh hơn chỉ số cơ sở, chênh lệch âm được thu hẹp xuống -8.8 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm nhẹ so với phiên hôm trước nhưng vẫn ở mức trung bình cao. Nhà đầu tư nước có phiên giao dịch với khối lượng ở mức trung bình, mua ròng ở F2006.

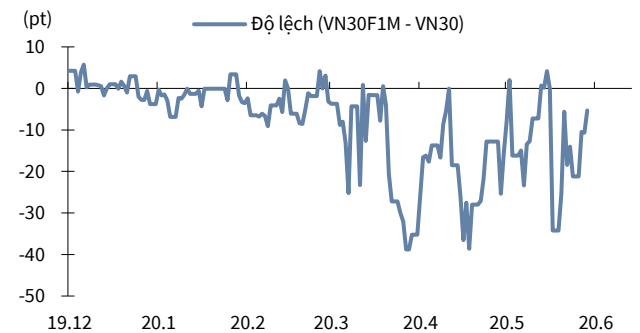
KLGD (HĐ)	205,297 (-0.9%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



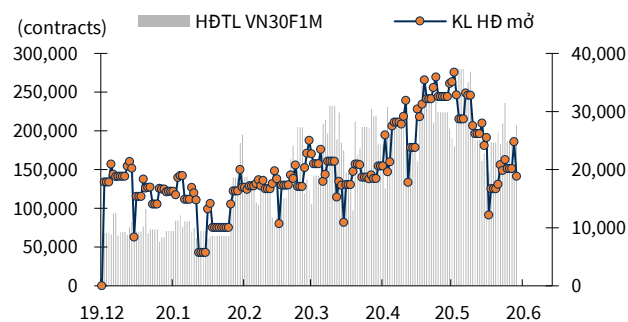
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



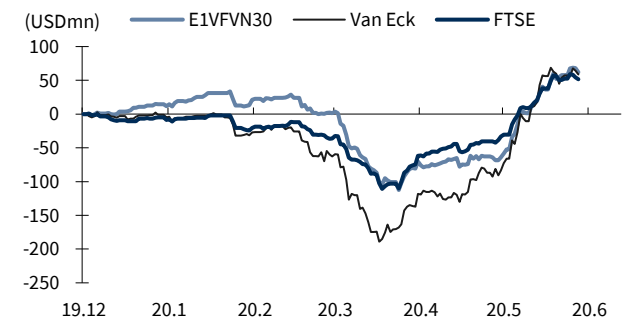
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

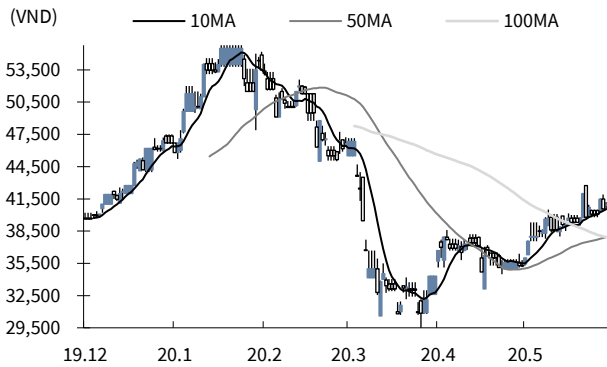
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

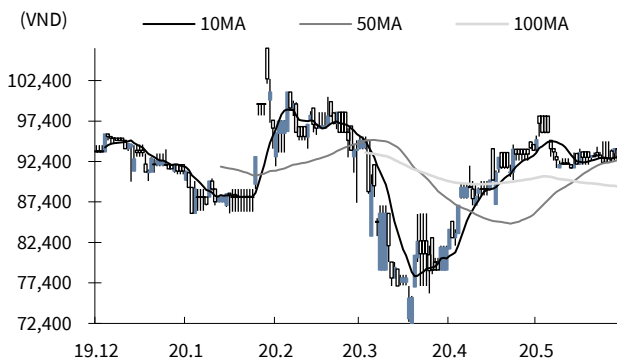
Ngân hàng BIDV (BID)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BID tăng 1.1% lên 41,000 VNĐ/cp.
- BID thông báo đã phát hành thành công tổng cộng 2,311 tỷ đồng trái phiếu trung, dài hạn (kỳ hạn từ 6-15 năm). Tất cả các trái phiếu này đều là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm hoặc bảo lãnh, được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, là nợ thứ cấp của BIDV và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định hiện hành.

Dược Hậu Giang (DHG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DHG giảm -1.1% xuống 93,000 VNĐ/cp.
- Theo tài liệu hợp ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh 2020 của DHG bao gồm lợi nhuận trước thuế 720 tỷ (+1% YoY) và doanh thu 3,866 tỷ (-0.8% YoY). Công ty cũng dự định trả cổ tức từ lợi nhuận 2019 với tỷ lệ 40% (tương đương 4,000 VNĐ/cp), đồng thời lên kế hoạch trả cổ tức 2020 với tỷ lệ 30% (tương đương 3,000 VNĐ/cp).

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

Tiêu thụ thép xây dựng tháng 5 tăng trưởng 14.3% yoy

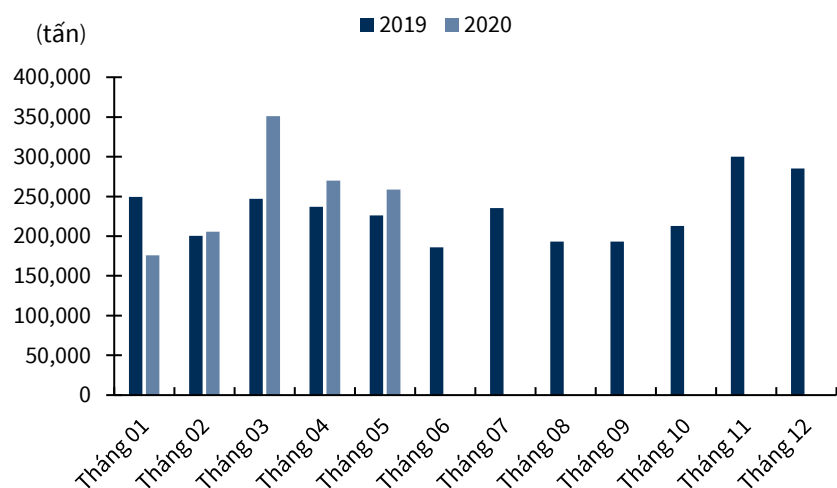
Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tháng 05/2020 của Hòa Phát tăng trưởng 14.3% yoy

— Tháng 05/2020, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát đạt 258,500 tấn, tăng trưởng 14.3% yoy. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2020, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát đạt 1.26 triệu tấn, tăng trưởng 9% yoy, hoàn thành 35% kế hoạch 2020. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tại thị trường miền Nam tháng 05/2020 tăng đột biến lên mức 81 nghìn tấn, gấp 2.7 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả này cho thấy khu Liên hiệp gang thép Dung Quất - Hòa Phát đang thực hiện tốt vai trò cung ứng, chiếm lĩnh thị phần ở thị trường phía Nam và xuất khẩu. Với công suất 2 triệu tấn thép xây dựng/năm, giai đoạn 1 của Dung Quất dù đang trong quá trình vận hành thử nghiệm nhưng đã cho thấy hiệu quả ngày càng được cải thiện.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2020, Hòa Phát đã xuất khẩu gần 600,000 tấn phôi thép

— Tháng 5/2020, Hòa Phát đã tiếp tục xuất khẩu 100,000 tấn phôi thép, lũy kế 5 tháng đầu năm 2020, Hòa Phát đã xuất khẩu gần 600,000 tấn phôi thép. Trong khi cả năm 2019, Hòa Phát chỉ xuất khẩu được 200,000 tấn phôi thép. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc chiếm hơn 50%, còn lại xuất khẩu sang Đài Loan, Srilanka, các nước Đông Nam Á. Vừa rồi Công ty CIEC Hàng Châu, Trung Quốc đã ký hợp đồng mua 120,000 tấn phôi thép của Hòa Phát với giá trị trên 1000 tỉ đồng. Việc Hòa Phát xuất khẩu được phôi thép sang thị trường Trung Quốc đã chứng tỏ được HPG hoàn toàn có đủ năng lực để cạnh tranh sòng phẳng với các nhà sản xuất thép lớn Trung Quốc.

Biểu đồ 1. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát theo tháng



Nguồn: HPG, Khối Phân tích KBSV

Hàng không

Tổng chuyến bay khai thác tháng 5/2020 giảm 70% so với cùng kỳ

Tổng chuyến bay khai thác toàn ngành giảm 70% yoy trong tháng 5/2020

— Trong tháng 5/2020, tổng số chuyến bay khai thác toàn ngành đạt 8,623 chuyến, giảm 70% yoy tuy nhiên tăng 73.7% so với tháng 4/2020. Tổng lượng khách di chuyển bằng đường hàng không đạt khoảng 563,700 hành khách, giảm 87.7% yoy và tăng 203% so với tháng 4.

Khôi phục lại toàn bộ mạng bay nội địa, chưa mở lại các đường bay quốc tế

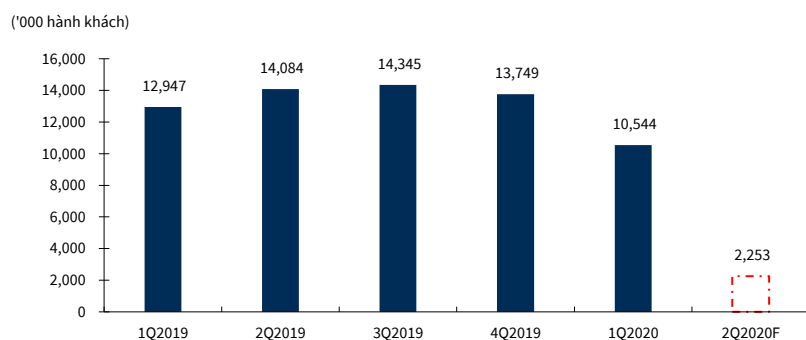
- Hiện tại, các hãng hàng không đã khôi phục lại toàn bộ mạng bay nội địa. Trong tháng 5, Vietnam Airline (HVN) đã mở thêm 5 đường bay nội địa mới và dự kiến sẽ mở tiếp 6 đường bay trong tháng 6. Bên cạnh đó, các hãng liên tục đưa ra các chương trình khuyến mại và ưu đãi để kích cầu du lịch trong nước với kì vọng các tuyến bay trong nước sẽ giảm thiểu phần nào thua lỗ do ảnh hưởng của dịch Covid-19.
- Trong khi đó, các đường bay quốc tế vẫn chưa được mở lại do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, là nguyên nhân chính khiến lượt luân chuyển (RPK) chỉ đạt 483 triệu lượt hành khách.km, giảm 92.2% yoy. Theo đánh giá của KBSV, với việc chưa có Vacxin Covid-19 và đường lối thận trọng của chính phủ Việt Nam, khả năng mở lại các đường bay quốc tế trước Q3/2020 là không khả quan.

Kết quả kinh doanh Q2/2020 dự kiến sẽ kém hơn nhiều so với Q1/2020

— Theo quan điểm của KBSV, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hàng không trong Q2/2020 sẽ kém hơn rất nhiều so với quý 1, dựa trên tổng lượt hành khách trong tháng 4 và tháng 5 lần lượt chỉ bằng 10% và 30% so với tháng 3 vốn là tháng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch Covid-19 trong Q1/2020. Tháng 6 nhiều khả năng sẽ khả quan hơn so với tháng 5 do là cao điểm du lịch trong nước tuy nhiên sẽ không có quá nhiều đột biến do các chuyến bay quốc tế chưa được mở lại.

Biểu đồ 2. Tổng lượt hành khách vận chuyển bằng đường hàng không

KBSV dự phóng tổng lượt hành khách trong 2Q/2020 giảm 78.6% so với Q1/2020.



Nguồn: Tổng cục thống kê, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

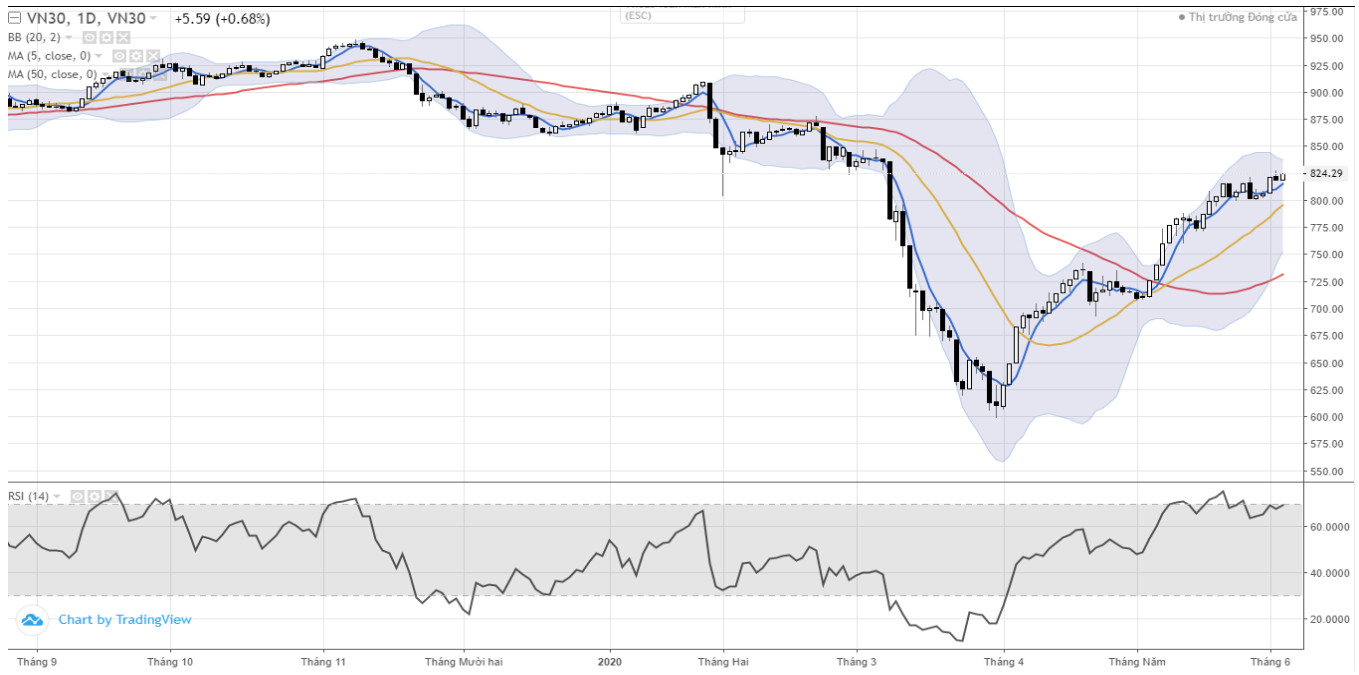
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

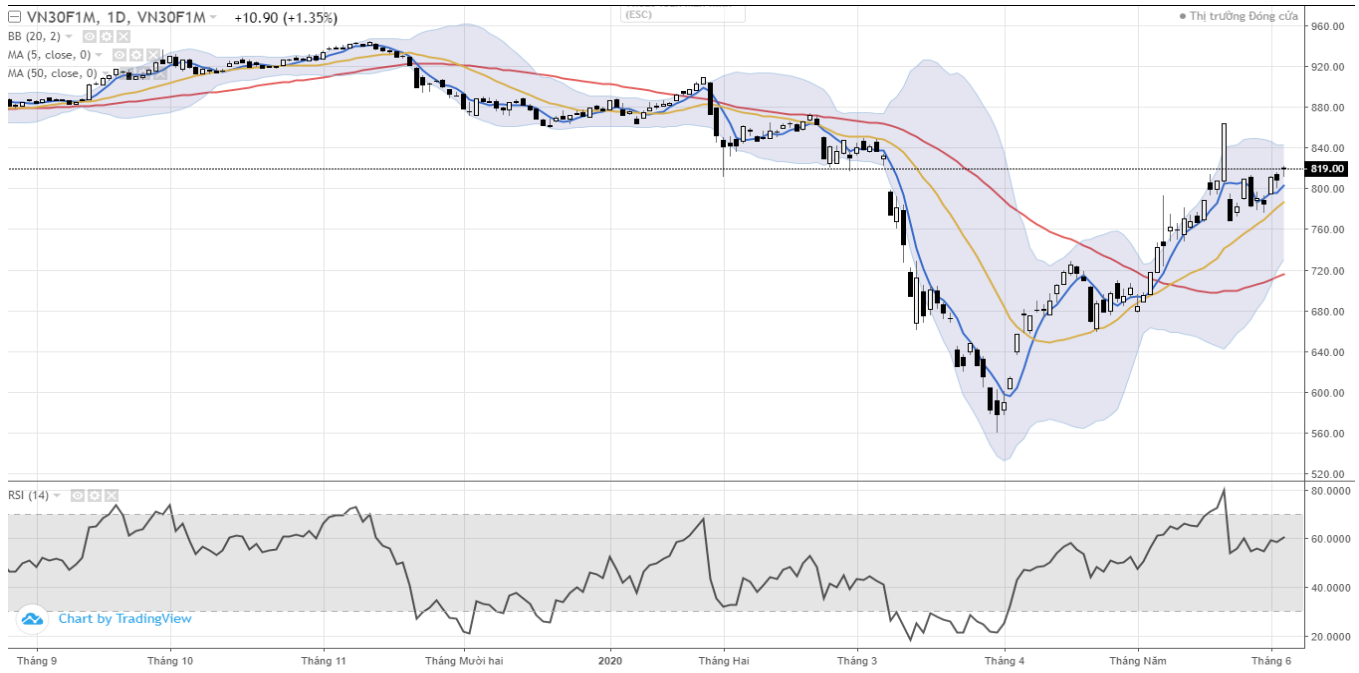
- VNIndex quay lại đà tăng và bù lại hết mức giảm điểm của phiên hôm qua.
- Với nhịp điều chỉnh T+ chưa đủ để tạo nền giá bền vững kết hợp với trạng thái phân kỳ âm của chỉ số động lượng, chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ khó vượt qua vùng kháng cự 885-890, nơi hội tụ của nhiều đáy ngắn hạn trong 2 năm qua.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, tạm thời giảm thiểu tỷ trọng nắm giữ của các vị thế ngắn hạn tại vùng kháng cự trên.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 đều ghi nhận đà hồi phục với diễn biến khởi sắc vào cuối phiên.
- Áp lực rung lắc sẽ mạnh hơn khi chỉ số VN30 tiến lên vùng kháng cự quanh 830, nơi hội tụ của nhiều đáy ngắn hạn trong 2 năm qua. Trong khi đó, diễn biến phân kỳ âm ở vùng quá mua của một số chỉ báo động lượng đang không ủng hộ cho khả năng bứt phá.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở lại 1 phần vị thế SHORT ngắn hạn khi chỉ số tiến tới vùng kháng cự đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

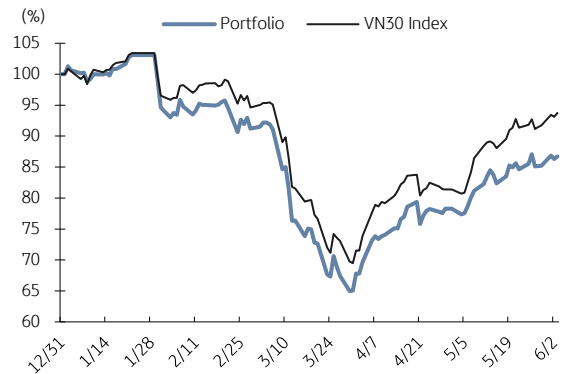
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.68%	0.49%
Tăng lũy kế (YTD)	-6.23%	-13.27%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/06/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	85,400	0.1%	-26.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	23,600	0.2%	-11.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	63,400	0.3%	-17.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,050	0.8%	-8.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	31,700	0.2%	-6.8%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	48,650	1.4%	45.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	24,000	2.3%	-1.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	113,800	-0.8%	-11.9%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	26,950	-0.4%	14.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,250	0.7%	4.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.1%	13.8%	75.3
VNM	0.5%	58.8%	39.4
CTG	2.4%	29.7%	35.4
VCB	1.5%	23.8%	15.3
GAS	2.1%	3.3%	11.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	0.1%	98.5%	-131.2
CII	2.1%	43.7%	-50.2
BVH	0.0%	28.4%	-20.7
VIC	0.1%	14.0%	-18.8
DBC	6.9%	7.9%	-18.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.2%	2.7%	0.9
PVI	-0.3%	54.4%	0.2
PVS	2.3%	12.7%	0.2
HLD	-0.5%	8.5%	0.1
TAR	3.6%	0.0%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	8.6%	7.5%	-15.6
SHS	7.8%	8.1%	-1.5
ART	0.0%	5.6%	-0.9
PGS	0.0%	9.2%	-0.5
IDV	0.0%	14.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	5.4%	VCB, CTG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.8%	GAS, POW
Bất động sản	2.7%	VHM, VRE
Hóa chất	2.4%	GVR, PHR
Thực phẩm và đồ uống	2.3%	SAB, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-1.3%	BVH, PGI
Xây dựng và Vật Liệu	-1.2%	CTD, ROS
Truyền thông	-1.1%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-0.9%	SVC, TCH
Du lịch và Giải trí	-0.4%	HVN, VNG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	22.0%	VCB, BID
Tài nguyên Cơ bản	19.6%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	15.0%	SSI, HCM
Thực phẩm và đồ uống	14.0%	VNM, SAB
Dầu khí	11.8%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-2.5%	TCH, CSM
Y tế	-2.4%	OPC, DBD
Du lịch và Giải trí	-3.1%	TCT, HOT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-5.1%	PAN, SMA
Xây dựng và Vật Liệu	-5.1%	CTD, ROS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	96,800	327,419 (14,074)	64,068 (2.7)	22.7	45.6	26.6	28.4	8.5	12.1	3.9	3.3	0.1	-0.1	5.3	-15.8
	VHM	VINHOMES JSC	77,900	256,253 (11,015)	215,844 (9.3)	35.2	9.5	8.5	34.7	38.7	30.8	3.1	2.3	0.1	4.3	22.5	-8.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,100	63,852 (2,745)	113,759 (4.9)	18.1	24.1	18.8	6.3	9.6	11.1	2.2	2.1	1.8	10.2	21.6	-17.4
	NVL	NO VA LAND INVES	54,300	52,646 (2,263)	62,109 (2.7)	32.4	17.8	18.8	-10.9	12.0	11.7	2.1	1.9	0.2	0.9	2.1	-8.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,200	12,170 (523)	16,599 (0.7)	5.1	11.2	10.0	15.8	14.4	14.8	1.5	1.4	4.3	6.9	10.7	-13.8
DXG	DAT XANH GROUP	11,600	6,018 (259)	40,792 (1.7)	9.1	5.9	5.2	-14.2	12.0	14.3	0.7	0.7	1.8	4.0	17.3	-20.0	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	87,900	326,010 (14,014)	101,778 (4.4)	6.2	18.7	15.2	15.7	20.9	21.0	3.3	2.8	1.5	6.0	29.3	-2.5
	BID	BANK FOR INVESTM	41,000	164,903 (7,088)	64,483 (2.8)	12.3	30.8	19.1	-11.3	9.1	12.3	2.2	2.0	1.1	3.0	15.2	-11.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,350	74,728 (3,212)	57,285 (2.5)	0.0	7.1	6.2	6.5	16.7	16.6	1.0	0.9	0.9	2.2	24.1	-9.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	24,000	89,362 (3,841)	159,014 (6.8)	0.3	13.3	9.9	16.4	10.1	12.0	1.1	1.0	2.3	7.1	20.0	14.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	24,300	59,237 (2,546)	145,803 (6.3)	0.0	7.4	6.1	3.4	17.3	17.0	1.2	1.0	0.8	5.7	18.5	21.5
	MBB	MILITARY COMMERC	18,050	43,526 (1,871)	135,799 (5.8)	0.0	5.5	4.6	10.1	18.8	19.1	0.9	0.8	0.8	4.3	13.2	-13.2
	HDB	HDBANK	28,500	27,529 (1,183)	27,631 (1.2)	8.9	8.1	6.6	10.2	19.9	20.7	1.2	1.0	6.9	20.3	38.0	3.4
	STB	SACOMBANK	10,650	19,209 (826)	122,931 (5.3)	14.5	8.7	6.9	31.8	8.8	10.0	0.7	0.6	1.4	5.4	17.0	6.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,950	17,924 (770)	4,178 (0.2)	0.0	5.8	4.9	44.5	24.0	21.6	1.1	-	4.5	5.0	26.1	4.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,650	21,699 (933)	7,206 (0.3)	0.0	38.0	36.4	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.3	2.6	17.7	-0.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,900	37,042 (1,592)	49,805 (2.1)	20.6	35.7	26.8	-5.4	6.1	8.0	1.9	1.8	0.0	-1.2	8.0	-27.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,450	1,960 (084)	5,705 (0.2)	13.1	-	-	-	6.8	8.6	0.9	0.8	-1.2	-1.2	-5.1	-13.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,200	9,134 (393)	67,587 (2.9)	49.6	10.7	8.4	-17.7	8.9	10.7	0.9	0.8	1.0	2.0	16.9	-2.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	23,650	3,885 (167)	17,099 (0.7)	70.9	8.4	6.6	-24.9	10.9	12.8	0.9	0.8	-0.6	2.8	34.4	-19.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,250	5,876 (253)	45,046 (1.9)	46.6	13.2	8.2	-22.5	10.1	15.7	1.3	1.2	1.0	2.4	16.7	-9.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,950	2,700 (116)	10,305 (0.4)	13.1	11.6	7.3	-19.1	7.1	10.7	0.8	0.7	0.4	1.6	18.3	-10.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	116,600	203,045 (8,728)	166,404 (7.1)	41.2	20.5	19.0	4.4	37.8	39.2	6.8	6.1	0.5	1.4	17.8	0.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,000	115,431 (4,962)	17,063 (0.7)	36.7	28.4	23.6	1.2	21.6	24.2	5.7	5.1	-1.6	2.7	10.4	-21.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	64,000	74,813 (3,216)	93,167 (4.0)	9.6	46.8	29.0	-45.3	5.1	6.0	1.7	1.6	0.2	2.4	8.8	13.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	15,300	16,961 (729)	13,077 (0.6)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	2.0	6.6	18.6	10.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	113,800	59,613 (2,562)	51,646 (2.2)	11.5	24.5	11.9	-31.3	14.3	27.0	3.4	3.1	-0.8	0.7	-1.5	-22.2
	GMD	GEMADEPT CORP	19,700	5,849 (251)	7,906 (0.3)	0.0	15.4	14.1	-54.5	6.0	7.0	1.0	1.0	2.6	0.5	5.9	-15.5
	CII	HO CHI MINH CITY	19,550	4,669 (201)	24,912 (1.1)	26.3	13.7	14.6	105.5	7.7	7.0	1.0	1.0	2.1	-2.3	-1.5	-13.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,020	1,714 (074)	52,066 (2.2)	46.4	-	-	-	-	-	-	-	-5.6	11.2	19.7	-82.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,050	8,013 (344)	51,571 (2.2)	33.9	11.0	8.6	-16.2	11.7	13.9	1.2	1.2	-0.3	-1.2	9.6	-11.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	67,300	5,134 (221)	31,408 (1.3)	2.4	9.1	9.1	-39.4	6.4	6.8	0.6	0.6	-6.4	-9.2	7.3	31.2
	REE	REE	31,700	9,829 (422)	18,892 (0.8)	0.0	6.2	5.4	-5.9	14.1	14.5	0.9	0.8	0.2	0.5	5.7	-12.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	78,000	149,288 (6,417)	64,420 (2.8)	45.7	17.9	15.4	-15.7	16.0	19.3	3.0	2.9	2.1	4.0	23.0	-16.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,200	6,103 (262)	8,347 (0.4)	31.1	8.6	8.1	-2.9	16.9	18.4	1.4	1.4	0.0	-1.2	3.2	-2.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,400	7,823 (336)	4,246 (0.2)	32.6	8.0	8.7	-8.3	16.3	14.8	1.3	1.3	0.8	0.4	-2.0	-9.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	26,950	74,411 (3,199)	290,189 (12.4)	12.6	8.9	6.9	-2.9	17.1	18.5	1.4	1.2	-0.4	-0.9	25.3	14.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,650	5,733 (246)	47,944 (2.1)	36.7	10.5	9.7	-4.9	7.9	7.8	0.7	0.7	1.7	-1.7	2.4	13.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,290	4,389 (189)	15,160 (0.6)	47.1	10.2	22.6	-14.7	7.8	3.5	0.7	0.7	0.5	-1.5	-2.0	27.5
	HSG	HOA SEN GROUP	9,940	4,417 (190)	102,112 (4.4)	32.9	7.8	7.0	20.0	9.9	9.8	0.7	0.6	1.4	-1.1	35.2	33.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,600	2,157 (093)	27,146 (1.2)	36.3	5.5	9.2	51.8	14.8	9.0	0.7	0.5	0.4	0.8	2.0	-0.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	46,700	55,611 (2,390)	48,424 (2.1)	6.7	21.4	16.2	-11.4	13.0	17.2	2.6	2.3	0.6	-0.4	15.9	-16.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,400	4,801 (206)	69,720 (3.0)	36.5	32.7	24.3	-1.5	1.2	1.0	0.3	0.3	1.8	5.6	24.6	-24.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,700	3,293 (142)	20,189 (0.9)	24.3	7.0	6.3	-17.0	10.3	11.2	0.7	0.6	4.5	6.4	19.0	-30.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	85,400	38,671 (1,662)	106,813 (4.6)	0.0	9.5	7.6	15.9	29.9	30.7	2.5	1.9	0.1	0.7	4.5	-25.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	63,400	14,277 (614)	61,460 (2.6)	0.0	15.4	12.5	1.0	21.2	22.5	2.8	2.4	0.3	0.6	11.4	-26.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	57,600	1,700 (073)	2,152 (0.1)	69.3	24.2	17.6	-28.1	6.7	8.5	1.5	1.5	-0.5	-1.4	1.4	55.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,200	2,069 (089)	29,607 (1.3)	13.4	13.7	12.7	-33.4	11.5	11.4	1.4	1.2	2.5	3.1	23.3	24.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	54,500	7,385 (317)	88,025 (3.8)	39.2	6.9	6.7	30.3	38.0	32.7	2.4	2.0	6.7	11.2	20.6	42.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	93,000	12,159 (523)	2,147 (0.1)	45.6	18.9	17.4	4.4	19.6	19.3	3.4	3.2	-1.1	-0.2	-0.3	1.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	59,200	4,441 (191)	1,400 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	0.3	-4.1	9.0
IT	FPT	FPT CORP	48,650	38,137 (1,639)	109,283 (4.7)	0.0	11.1	9.7	18.0	24.1	25.2	2.4	2.1	1.4	1.4	10.1	-4.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.